

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/HS-ST

Ngày: 10-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trí;

Bà Nguyễn Thị Nữ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tây H**, sinh năm 2004, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H1 và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: **Đặng Đăng K1**, sinh năm 2002, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Đặng Hồng T1; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 19/9/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là T), tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng, theo Quyết định số 14/2022/QĐ-TA; trong thời gian chấp hành biện pháp cai

nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Bình Dương thì ngày 19/12/2022, Đăng Đăng K1 bỏ trốn. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

4. Họ và tên: **Ngô Văn K2**, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số A, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T2 và bà Lê Thị Đ; có vợ: Đặng Thị K3 (đã ly hôn) và có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 02/7/2019, bị Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 22/9/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định khởi tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngày 25/4/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 04 (bốn) năm tù về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án số 70/2024/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023, sau đó chuyển qua tạm giam, đến ngày 16/5/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị tạm giam trong vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1990, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 và bà Lê Thị T3; chung sống với chị Nguyễn Thị H2 nhưng không đăng ký kết hôn và có một người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 03/6/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2014/HS-ST.

- Ngày 19/01/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 04/QĐ-TA.

- Ngày 14/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 59/QĐ-TA.

- Ngày 23/01/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HSST. Hiện đang chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

+ Anh Lê Mạnh D, sinh năm 1994; cư trú tại: Khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1, sinh năm 2002; cư trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Dương Minh T4, sinh năm 2001; cư trú tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

+ Chị Đặng Vĩ N2, sinh năm 2004; cư trú tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

+ Anh Đào Văn T5, sinh năm 1986; đăng ký thường trú: Xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Căn hộ số HL-F7.99.04 thuộc Khu N ở B, Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Thạch Kim T6, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

+ Ông Lê Thế H3, sinh năm 1978; cư trú tại: Số A, Đường số C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1966; cư trú tại: Số A, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Lê Thị T3, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ A, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ D, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1996 và chị Dương Thị Minh H4, sinh năm 2000; cùng cư trú tại: Tổ A, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

+ Anh Nguyễn Nhật H5, sinh năm 2001; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

+ Anh Võ Văn Q, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Ú, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B có mối quan hệ quen biết và đều là các đối tượng nghiện ma túy. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/02/2023 đến ngày 16/02/2023, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng

Đặng K1 thực hiện nhiều vụ Cướp tài sản trên địa bàn thành phố T rồi đem bán cho người khác và nhờ Ngô Văn K2, Nguyễn Hữu B bán cho người khác để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. **Vụ thứ 1:** Khoảng 01 giờ ngày 09/02/2023, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen (chưa xác định rõ biển số) chở Nguyễn Tây H đi tìm tài sản chiếm đoạt. Khi K và H đi trên đường N, đến đoạn qua Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991, đăng ký thường trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang đang điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, biển số 84B1-779.30 lưu thông ở phía trước cùng chiều trên đường N nên cả hai nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N. Lúc này, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô chạy áp sát và ép ngã xe mô tô của chị N, còn H dùng 01 (một) con dao tự chế cán màu đen, dài khoảng 30cm chỉ vào người chị N và yêu cầu xuống xe nhưng chị N nắm giữ đuôi xe thì H dùng tay hất tay chị N ra rồi lên xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 84B1-779.30 của chị N và điều khiển tẩu thoát cùng với Nguyễn Đăng K. Sau đó, K và H đem xe mô tô chiếm đoạt của chị N về nhà trọ Hào cất giấu và tháo biển số 84B1-779.30 vứt bỏ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, số khung RLCUG1010KY181608, số máy G3D4E949952, trị giá 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng.

2. **Vụ thứ 2:** Khoảng 02 giờ ngày 14/02/2023, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen (chưa xác định rõ biển số) đi trên đường P, đến đoạn qua Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy anh Lê Mạnh D, sinh năm 1994, đăng ký thường trú tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1, sinh năm 2002, đăng ký thường trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước đang dựng xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 trên vỉa hè và ngồi nói chuyện nên Nguyễn Đăng K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D và chị N1. Lúc này, Nguyễn Đăng K gọi điện thoại cho Nguyễn Tây H và chỉ chỗ cho Nguyễn Tây H đến để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, Nguyễn Tây H đem theo 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, không gắn biển số (xe đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hồng N) chở Đặng Đăng K1 đến nơi Nguyễn Đăng K đã chỉ chỗ gặp anh D và chị N1. Tại đây, Đặng Đăng K1 và Nguyễn Tây H dùng dao đe dọa và chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB của anh D và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB; 01 cái ví da nữ, màu đen bên trong đó có các giấy tờ cá nhân, thẻ ATM và số tiền 2.300.000 (hai triệu, ba trăm nghìn) đồng của chị N1. Quá trình Đặng Đăng K1 và Nguyễn Tây H đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản của anh D và chị N1 thì Nguyễn Đăng K đậu xe mô tô đứng ở khu vực gần đó để cảnh giới cho Đặng Đăng K1 và H. Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh D và chị N1, Đặng Đăng K1 đem điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB bán cho một cửa hàng điện thoại (không nhớ tên hiệu và địa chỉ) được số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, còn H đem điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB tìm nơi bán nhưng chưa bán được. Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 thì H tháo biển số 61K1-111.54 cất giữ và Đặng Đăng K1 nhờ Ngô Văn K2 đem bán xe mô tô giùm thì K2 đồng ý. Sau

đó, K2 liên lạc với Nguyễn Hữu B nhờ B tìm người bán giùm xe mô tô trên thì B đồng ý (đối với Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B mặc dù nhận biết rõ xe mô tô nêu trên do Đặng Đăng K1, Nguyễn Tây H phạm tội Cướp tài sản mà có nhưng vẫn đồng ý giúp cho Đặng Đăng K1, Nguyễn Tây H bán xe mô tô nêu trên). Tiếp đó, B liên hệ để bán xe mô tô trên cho người nam tên T7 (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) với giá tiền là 6.000.000 (sáu triệu) đồng và B nói cho K2 biết là B sẽ lấy tiền công bán là 1.000.000 (một triệu) đồng, K2 đồng ý. Sau đó, Ngô Văn K2 chở Đặng Đăng K1 đem xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 (lúc này đã tháo biển số) đến khu vực cây xăng, địa chỉ tại phường H, thành phố T giao xe cho người nam tên T7. Số tiền bán xe được người nam tên T7 chuyển đến tài khoản số 9985370237 của Ngân hàng V cấp cho Nguyễn Hữu B. Lúc này, Bá giữ lấy tiền công bán xe mô tô là 1.000.000 (một triệu) đồng và chuyển cho K2 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng qua tài khoản số 050130697000 của Ngân hàng S cấp cho Ngô Văn K2 rồi K2 đưa cho H 3.500.000 đồng, đưa cho Đặng Đăng K1 số tiền 300.000 đồng, còn 1.200.000 đồng thì K2 cất giữ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54, trị giá 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB, trị giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB, trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng; 01 cái ví da nữ, màu đen, kích thước 11,2cm x 7,5cm x 0,5cm, trị giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

3. Vụ thứ 3: Khoảng 18 giờ ngày 14/02/2023, sau khi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 thì Nguyễn Đăng K đi đến nhà của Nguyễn Tây H để mượn xe mô tô trên để đi làm tại kho Mapple Tree trong Khu Công nghiệp B, địa chỉ tại Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì H đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 14/02/2023, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 chở Nguyễn Tây H đi tìm tài sản chiếm đoạt. Khi Nguyễn Đăng K và H đi trên đường H, đến đoạn trong Khu Công nghiệp B thì Nguyễn Đăng K và H nhìn thấy anh Nguyễn Dương Minh T4, sinh năm 2001, đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận và chị Đặng Vĩ N2, sinh năm 2004, đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận đang ngồi ở vỉa hè trên đường H nên cả hai bàn nhau cùng chiếm đoạt tài sản của anh T4 và chị N2. Lúc này, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô áp sát chỗ anh T4 và chị N2 đang ngồi để Nguyễn Tây H bước xuống xe mô tô dùng 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen đe dọa và yêu cầu anh T4 và chị N2 đưa tài sản. Do lo sợ nên chị N2 đưa 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y15A, màu xanh dương và anh T4 đưa 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng cho Nguyễn Đăng K thì K lấy bỏ vào túi quần. Sau khi chiếm đoạt tài sản của anh T4 và chị N2 thì Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H điều khiển xe mô tô tẩu thoát về nhà của Nguyễn Đăng K. Tại đây, Nguyễn Đăng K đưa cho H 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng thì H đem bán cho một người thu mua phế liệu (hiện không xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) được số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng, còn Nguyễn Đăng K cất giữ 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y15A, màu xanh dương.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 184/KL-HĐĐGTS ngày 01/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng, trị giá 5.000.000 (năm

triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y15A, màu xanh dương, trị giá 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng.

4. Vụ thứ 4: Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 16/02/2023, anh Đào Văn T5, sinh năm 1986, đăng ký thường trú tại xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; hiện tạm trú tại Căn hộ số HL-F7.99.04 thuộc Khu N ở B, Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05 đi đến đoạn đường vắng không tên (gần Trường mầm non H6) thuộc Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì anh T5 ngừng và tắt máy xe nhưng vẫn để chìa khóa trên xe mô tô rồi đi vệ sinh. Khi anh T5 đi vệ sinh xong và quay lại ngồi lên xe mô tô thì bị Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc (gắn biển số 61K1-111.54) áp sát. Lúc này, H dùng 01 (một) con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen kề vào cổ anh T5 và kéo anh T5 xuống đường rồi yêu cầu anh T5 đưa tài sản. Do hoảng sợ nên anh T5 lấy 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen và 01 ví nam màu vàng bên trong có nhiều giấy tờ cá nhân và tiền Việt Nam đưa cho H. Tiếp đó, H kêu anh T5 quay lưng lại H rồi H chạy lại xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05 của anh T5 nổ máy tẩu thoát cùng với Nguyễn Đăng K. Sau đó, Nguyễn Đăng K kiểm tra ví da thì thấy bên trong có số tiền khoảng 66.000đ (sáu mươi sáu nghìn đồng) nên Nguyễn Đăng K lấy số tiền trên còn ví da thì vứt bỏ. Đối với xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05 thì Nguyễn Đăng K kêu H chạy về nhà trọ của H cất giữ và Nguyễn Đăng K đưa cho H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen, còn 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu thì Nguyễn Đăng K cất giữ.

Sau khi bị chiếm đoạt ví tiền, các điện thoại di động và xe mô tô, anh T5 dùng điện thoại khác liên lạc vào số điện thoại mình đã bị chiếm đoạt xin chuộc lại xe mô tô thì Nguyễn Đăng K yêu cầu anh T5 chuyển số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng vào tài khoản của Nguyễn Đăng K thì K sẽ trả lại xe mô tô. Anh T5 đồng ý nên Nguyễn Đăng K yêu cầu anh T5 chuyển tiền vào tài khoản của chủ tiệm nhận chuyển tiền 68 là ông Lê Thế H3, sinh năm 1978, đăng ký thường trú tại Số A, Đường số C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để Nguyễn Đăng K lấy tiền chuộc xe. Sau đó, anh T5 trình báo sự việc đến Công an phường H. Đến khoảng 14 giờ ngày 16/02/2023, anh T5 chuyển số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng vào tài khoản của ông H3. Nhận được điện báo của Công an phường H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chủ trì và phối hợp với Công an phường H tiến hành kiểm tra và đến tiệm chuyển tiền 68 thì phát hiện Nguyễn Đăng K đang đến để rút số tiền mà anh T5 đã chuyển vào tài khoản của ông H3 và trong người Nguyễn Đăng K có giữ chiếc điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu của anh T5 nên lực lượng Công an đã yêu cầu Nguyễn Đăng K về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Nguyễn Đăng K khai nhận thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T5 cùng với Nguyễn Tây H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã đến nơi ở của H tại Tổ A, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương xác minh và thu giữ được số vật chứng, gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc (gắn biển số 61K1-111.54); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen; 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen mà H dùng để đe dọa anh T5 chiếm đoạt tài sản. Cùng ngày 16/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thực hiện Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn

cấp đối với Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và ngày 17/02/2023 thực hiện Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đặng Đăng K1.

Đối với Ngô Văn K2, ngày 17/02/2023 sau khi biết tin Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 bị bắt nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T xin đầu thú về hành vi biết rõ xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 do Đặng Đăng K1 và Nguyễn Tây H chiếm đoạt của người khác nhưng đã giúp cho Đặng Đăng K1 và Nguyễn Tây H bán xe mô tô trên để thu lợi. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T còn thu giữ được số vật chứng, gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-175712; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 93P2-620.67; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh; 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 ví màu đen; 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu; số tiền 3.604.000đ (ba triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05, trị giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen, trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu, trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng; 01 ví da nam màu vàng, trị giá 10.000 (mười nghìn) đồng.

* Xử lý vật chứng và giải quyết dân sự:

- Vụ thứ 1: Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, số khung RLCUG1010KY181608, số máy G3D4E949952 do anh Thạch Kim T6, sinh năm 1992, đăng ký thường trú tại ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (anh T6 là chồng của chị N). Ngày 28/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã lập biên bản giao trả xe mô tô trên cho anh T6. Hiện tại, chị N yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô trên số tiền là 10.000.000 (mười triệu đồng). Hiện tại, Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H chưa bồi thường tiền cho chị N.

- Vụ thứ 2: Đối với biển số 61K1-111.54 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB, quá trình điều tra xác định: Biển số trên do bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1975, đăng ký thường trú tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe (bà L là mẹ của anh Lê Mạnh D) nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển biển số nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định trả lại biển số 61K1-111.54 cho bà Đỗ Thị Kim L. Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB, ngày 30/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã lập biên bản giao trả điện thoại di động trên cho chị Nguyễn Lê Vũ Yên N1. Quá trình điều tra, anh Lê Minh D1 yêu cầu Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 bồi thường số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng là tiền chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB. Đối với chị Nguyễn Lê Vũ Yên N1 yêu cầu bồi thường số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, bao gồm: Tiền ví da nữ, màu đen là 1.200.00 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng; số tiền trong ví da bị chiếm đoạt là 5.000.000 (năm triệu) đồng; số tiền bị rút trong tài

khoản của chị N1 là 14.800.000 (mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng và tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Đối với yêu cầu trên của chị N1, hiện không có căn cứ để xác định Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 chiếm đoạt số tiền trong ví da bị chiếm đoạt là 5.000.000 (năm triệu) đồng và số tiền bị rút trong tài khoản của chị N1 là 14.800.000 (mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng. Hiện tại, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 chưa bồi thường cho anh D1 và chị N1.

- Vụ thứ 3: Đối với điện thoại di động hiệu ViVo Y15A, màu xanh dương, ngày 30/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã lập biên bản giao trả điện thoại di động trên cho chị Đặng Vĩ N2. Quá trình điều tra, anh T4 yêu cầu bồi thường số tiền 11.500.000 (mười một triệu, năm trăm nghìn) đồng là tiền anh T4 mua điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng và chị N2 yêu cầu tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 1.000.000 (một triệu) đồng. Hiện tại, Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H chưa bồi thường cho anh T4 và chị N2.

- Vụ thứ 4: Đối với xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu; ngày 30/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã lập biên bản giao trả xe mô tô và 02 điện thoại di động nêu trên cho anh Đào Văn T5. Quá trình điều tra, anh T5 yêu cầu bồi thường số tiền 3.903.000 (bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng là số tiền trong ví da của anh T5 bị chiếm đoạt và 1.000.000 (một triệu) đồng anh T5 đã chuyển khoản vào tài khoản của ông H3 theo yêu cầu của bị cáo. Đối với yêu cầu trên của anh T5, hiện không có căn cứ để xác định Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã chiếm đoạt số tiền số tiền 4.903.000 (bốn triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng trong ví da của anh T5. Hiện tại, Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H chưa bồi thường cho anh T5.

Quá trình điều tra, ông Lê Thế H3 giao nộp số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; ông Ngô Văn T2, sinh năm 1966, đăng ký thường trú tại Số A, Khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là cha ruột của Ngô Văn K2 giao nộp số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng; bà Lê Thị T3, sinh năm 1968, đăng ký thường trú tại Tổ A, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương là mẹ ruột của Nguyễn Hữu B giao nộp số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969, đăng ký thường trú tại Tổ D, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương là mẹ ruột của Nguyễn Đăng K và anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại Tổ A, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương là anh ruột của Nguyễn Đăng K giao nộp tổng số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang là mẹ ruột của Nguyễn Tây H giao nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và anh Nguyễn Nhật H5, sinh năm 2001, đăng ký thường trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang là anh ruột của Nguyễn Tây H giao nộp Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một số tiền 8.000.000 (tám triệu đồng) nhằm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại và số tiền 3.604.000 (ba triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng đã thu giữ của Nguyễn Đăng K. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển các số tiền nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định trả lại cho các bị hại.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-175712 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius,

màu đen, biển số 93P2-620.67, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 93P2-620.67 do chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1985, đăng ký thường trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 20/12/2022, chị T8 bị lấy trộm xe mô tô trên tại ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển giao xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-175712 do anh Lê Trọng P1, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua xác minh, tại thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không có Lê Trọng P1 sinh sống. Chị Dương Thị Minh H4, sinh năm 2000, đăng ký thường trú tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là chị dâu của Nguyễn Đăng K cho biết xe mô tô trên do chị H4 mua lại từ tiệm cầm đồ (không xác định rõ địa chỉ) tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nhưng không làm giấy tờ mua bán. Sau khi mua xe, chị H4 cho Nguyễn Đăng K mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã đăng B2 để truy tìm chủ sở hữu nhưng hiện tại không có ai đến để liên hệ giải quyết. Xét thấy xe mô tô trên là phương tiện do Nguyễn Đăng K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội Cướp tài sản nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển xe mô tô nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng; 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 ví màu đen là tài sản cá nhân của Nguyễn Đăng K. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen là tài sản cá nhân của anh Nguyễn Trọng Đ1. Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh là điện thoại của Ngô Văn K2 dùng để liên hệ với Nguyễn Hữu B nhằm thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen là hung khí Nguyễn Tây H dùng để thực hiện hành vi Cướp tài sản nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh; tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen và trả lại cho Nguyễn Đăng K 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng; 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 ví màu đen; trả lại cho anh Nguyễn Trọng Đ1 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H còn khai nhận thực hiện 01 vụ Cướp tài sản tại giao lộ đường H và đường T thuộc Khu Công nghiệp B, Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau: Khoảng 01 giờ sáng không rõ ngày giữa tháng 01/2023, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen (không rõ biển số) chở Nguyễn Tây H đi từ Khu Công nghiệp B về nhà trọ của H tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khi Nguyễn Đăng K và H đi đến giao lộ đường H và đường T thì nhìn thấy 01 (một) người nam (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) đang nằm trên bãi cỏ ở khu vực vòng xoay trên tay có cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu trắng, loại 64GB nên Nguyễn Đăng K và H rủ nhau cùng chiếm đoạt điện thoại di động trên của người nam. Lúc này,

Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô chở H đi đến để H nói chuyện với người nam và H cầm 01 dao rọc giấy, màu bạc, dài khoảng 15cm chỉ về hướng người nam rồi yêu cầu đưa tất cả tài sản đang có trên người thì người nam đưa điện thoại di động hiệu Iphone XSMax, màu trắng, loại 64GB đang cầm trên tay cho Nguyễn Đăng K. Tiếp đó, người nam tháo 02 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu bạc đưa cho Nguyễn Đăng K thì K lấy 02 chiếc nhẫn rồi điều khiển xe mô tô chở H tẩu thoát. Trên đường đi, Nguyễn Đăng K phát hiện 02 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu trắng vừa cướp được là nhẫn inox không có giá trị nên vứt xuống bãi cỏ ven đường, còn điện thoại di động thì đưa cho H cất giữ. Đến sáng ngày hôm sau, H đưa lại điện thoại di động hiệu Iphone XSMax, màu trắng, loại 64GB cho Nguyễn Đăng K thì K đem đến tiệm Đ2, địa chỉ tại Số D, Đường số B, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương bán cho anh Phan Minh L1, sinh năm 1990, đăng ký thường trú tại Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương được số tiền 1.600.000 (một triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Sau đó, Nguyễn Đăng K đưa cho H số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng và K giữ số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng rồi cả hai tiêu xài cá nhân hết. Đối với điện thoại di động nêu trên, do sau khi mua điện thoại của Nguyễn Đăng K thì anh L1 đã bán điện thoại trên cho người khác (chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không thu hồi được. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra thông báo truy tìm bị hại nhưng đến nay vẫn chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú của bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ. Đối với anh Phan Minh L1, quá trình điều tra xác định: Khi Nguyễn Đăng K đem điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu trắng, loại 64GB đến bán thì anh L1 không biết điện thoại trên do K phạm tội Cướp tài sản mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên T7 đã mua xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh (không gắn biển số) của Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B, do quá trình điều tra không xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú của đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 97/CT-VKSTDM ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H về tội Cướp tài sản theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Đặng Đăng K1 về tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố các bị cáo Ngô Văn K2, Nguyễn Hữu B về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phạm tội “Cướp tài sản”; tuyên bố các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K mức hình phạt từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tây H mức hình phạt từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017): Xử phạt bị cáo Đặng Đăng K1 mức hình phạt từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017): Xử phạt bị cáo Ngô Văn K2 mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 70/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền là 10.000.000 (mười triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Dương Minh T4 số tiền là 11.500.000 (mười một triệu, năm trăm nghìn) đồng; bồi thường cho chị Đặng Vĩ N2 số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng và bồi thường cho anh Đào Văn T5 số tiền 3.903.000 (ba triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh D số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1 số tiền là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B phải liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-

175712; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh thu giữ của Ngô Văn K2.

+ Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng K: 01 (một) Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 ví màu đen. Trả cho anh Nguyễn Trọng Đ1 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen. Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim L biển số 61K1-111.54 và trả lại cho anh Đào Văn T5 số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do ông Lê Thế H3 giao nộp.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng và số tiền 3.604.000 (ba triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng đã thu giữ của Nguyễn Đăng K; số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng do ông Ngô Văn T2 là cha ruột của Ngô Văn K2 giao nộp; số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do bà Lê Thị T3 là mẹ ruột của Nguyễn Hữu B giao nộp; số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng do bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột và anh Nguyễn Trọng Đ1 là anh ruột của Nguyễn Đăng K giao nộp; số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột và anh Nguyễn Nhật H5 là anh ruột của Nguyễn Tây H giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Tại phiên tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

- Bị hại anh Đào Văn T5: Yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Văn T5 số tiền 3.903.000 (ba triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H.

- Trong nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những bị hại gồm: Chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Lê Mạnh D, chị Nguyễn Lê Vũ Yên N1, anh Nguyễn Dương Minh T4, chị Đặng Vĩ N2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Anh Thách Kim T9, ông Lê Thế H3, bà Đỗ Thị Kim L, anh Võ Văn Q, bà Bùi Thị Ú. Nhưng, những người này đã có lời khai trình bày ý kiến của mình trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/02/2023 đến ngày 16/02/2023, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã cùng nhau nhiều lần thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm là 01 (một) con dao tự chế cán màu đen, dài khoảng 30cm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản của các bị hại; bị cáo Đặng Đăng K1 một lần thực hiện hành vi cùng với Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H dùng hung khí nguy hiểm là 01 (một) con dao tự chế cán màu đen, dài khoảng 30cm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B biết tài sản do Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phạm tội mà có nhưng vẫn giúp cho Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 bán tài sản. Các bị cáo thực hiện các hành vi trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

- Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ ngày 09/02/2023, tại đường N, đoạn qua Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 (một) con dao tự chế cán màu đen, dài khoảng 30cm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, biển số 84B1-779.30, trị giá 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng của bị hại chị Nguyễn Thị Hồng N.

- Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 14/02/2023, tại đường P, đoạn qua Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 30cm đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54, trị giá 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB, trị giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng của bị hại anh Lê Minh D1 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu trắng, loại 64GB, trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng; 01 cái ví da nữ, màu đen, kích thước 11,2cm x 7,5cm x 0,5cm, trị giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng bên trong có số tiền 2.300.000 (hai triệu, ba trăm nghìn) đồng của bị hại chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của bị hại Lê Minh D1 là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và bị hại Nguyễn Lê Vũ Yến N1 là 7.400.000 (bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng. Sau đó, bị cáo Đặng Đăng K1 nhờ các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B đem xe mô tô cướp được nêu trên đến khu vực cây xăng, địa chỉ tại phường H, thành phố T bán cho đối tượng tên T7 (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) được số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Đối với các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B mặc dù nhận biết rõ xe mô tô nêu trên do các bị cáo Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 phạm tội Cướp tài sản mà có nhưng vẫn đồng ý giúp cho các bị cáo Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 bán xe mô tô nêu trên.

- Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ ngày 14/02/2023, tại đường H, đoạn thuộc Khu Công nghiệp B, địa chỉ tại khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 con dao dài khoảng 30 cm, cán bằng nhựa màu đen đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng, trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng của bị hại anh Nguyễn Dương Minh T4 và 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y15A, màu xanh dương, trị giá 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng của bị hại chị Đặng Vĩ N2.

- Vụ thứ 4: Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 16/02/2023, tại đoạn đường vắng không tên (gần Trường mầm non H6) thuộc Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã dùng hung khí nguy hiểm là 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu đen-đỏ, biển số 67F1-289.05, trị giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu đen, trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y20S, màu nâu, trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng và 01 ví da nam màu vàng, trị giá 10.000 (mười nghìn) đồng bên trong có số tiền 66.000 (sáu mươi sáu nghìn) đồng của bị hại Đào Văn T5. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của bị hại T5 là 34.076.000 (ba mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H chiếm đoạt của các bị hại là 106.976.000 (một trăm lẻ sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng; tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đặng Đăng K1 chiếm đoạt của bị hại Lê Mạnh D và Nguyễn Lê Vũ Yến N1 là 37.400.000 (ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

Do đó, hành vi mà các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “Dùng phương tiện nguy hiểm” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); hành vi mà bị cáo Đặng Đăng K1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “Dùng phương tiện nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); hành vi của các bị cáo Ngô Văn K2, Nguyễn Hữu B thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến tinh thần, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người khác; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, lười lao động lại muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B biết chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh là do các bị cáo Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phạm tội mà có nhưng vẫn giúp cho Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 liên hệ với người khác để bán chiếc xe này; các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B là một trong những nguyên nhân, điều kiện để bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 thêm quyết tâm, ý chí để phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giúp sức lẫn nhau thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Nguyễn Đăng K là người khởi

xương, chỉ điểm và trực tiếp chở Nguyễn Tây H nhiều lần đi tìm các tài sản của người khác để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy mức hình phạt áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đăng K phải cao hơn bị cáo Nguyễn Tây H; bị cáo Đặng Đăng K1 tham gia cùng với bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H thực hiện một vụ cướp tài sản nên hình phạt đối với bị cáo Đặng Đăng K1 thấp hơn bị cáo Nguyễn Tây H. Các bị cáo Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B có nhân thân xấu sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ ngày 09/02/2023 đến 16/02/2023, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội và cả 04 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản nên các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng, đối với bị cáo Nguyễn Đăng K và bị cáo Nguyễn Tây H được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt nên các bị cáo Nguyễn Đăng K và bị cáo Nguyễn Tây H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Ngô Văn K2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan có thẩm quyền để đầu thú nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh-bạc, biển số 84B1-779.30 số tiền là 10.000.000 (mười triệu đồng); anh Nguyễn Dương Minh T4 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H bồi thường số tiền 11.500.000 (mười một triệu, năm trăm nghìn) đồng, đây là số tiền anh T4 đã bỏ ra để mua điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64GB, màu trắng; chị Đặng Vĩ N2 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng; anh Đào Văn T5 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H bồi thường số tiền 3.903.000 (ba triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng, đây là số tiền trong ví da của T5 bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận.

- Anh Lê Minh D1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 bồi thường số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng là tiền chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Iphone XR, màu trắng, loại 64GB; chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1 yêu cầu các

bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1 bồi thường số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, bao gồm: Giá trị ví da nữ, màu đen là 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng; số tiền trong ví da bị chiếm đoạt là 5.000.000 (năm triệu) đồng; số tiền bị rút trong tài khoản của chị N1 là 14.800.000 (mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng và tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 61K1-111.54 trị giá 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng; các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Nguyễn Đăng K đã chiếm đoạt của anh Lê Mạnh D, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này do bà Đỗ Thị Kim L (là mẹ ruột của anh Lê Mạnh D) đứng tên chủ sở hữu. Hiện chiếc xe này Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 nhờ Nguyễn Hữu B bán cho người khác không thu hồi được và bà Đỗ Thị Kim L yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim L giá trị chiếc xe nên buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

[10] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-175712 do anh Lê Trọng P1, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua xác minh, tại thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không có Lê Trọng P1 sinh sống. Chị Dương Thị Minh H4 là chị dâu của Nguyễn Đăng K cho biết xe mô tô trên do chị H4 mua lại từ tiệm cầm đồ (không xác định rõ địa chỉ) tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nhưng không làm giấy tờ mua bán. Sau khi mua xe, chị H4 cho Nguyễn Đăng K mượn để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã đăng B2 để truy tìm chủ sở hữu nhưng hiện tại không có ai đến để liên hệ giải quyết. Xét thấy xe mô tô trên là phương tiện do Nguyễn Đăng K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội Cướp tài sản và tại phiên toà chị H4 không có ý kiến hay yêu cầu gì nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh là điện thoại của Ngô Văn K2 dùng để liên hệ với Nguyễn Hữu B nhằm thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 ví màu đen là tài sản cá nhân của Nguyễn Đăng K. Đây là tài sản của cá nhân bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng K.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen là tài sản cá nhân của anh Nguyễn Trọng Đ1 nên trả lại cho anh Nguyễn Trọng Đ1.

- Đối với 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen là hung khí Nguyễn Tây H dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

- Trả lại biển số 61K1-111.54 cho bà Đỗ Thị Kim L;

- Trả lại cho anh Đào Văn T5 số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do ông Lê Thế H3 giao nộp;

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng và số tiền 3.604.000 (ba triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng đã thu giữ của Nguyễn Đăng K; số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng do ông Ngô Văn T2 là cha ruột của Ngô Văn K2 giao nộp; số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do bà Lê Thị T3 là mẹ ruột của Nguyễn Hữu B giao nộp; số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng do bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột và anh Nguyễn Trọng Đ1 là anh ruột của Nguyễn Đăng K giao nộp; số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột và anh Nguyễn Nhật H5 là anh ruột của Nguyễn Tây H để đảm bảo thi hành án.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 136, 260, 292, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phạm tội “Cướp tài sản”; tuyên bố các bị cáo Ngô Văn K2, Nguyễn Hữu B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tây H 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2023.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đặng Đăng K1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2023.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Ngô Văn K2 01 (một) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 70/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2023.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 01 (một) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã

Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

3.1. Các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Dương Minh T4 số tiền 11.500.000 (mười một triệu, năm trăm nghìn) đồng; bồi thường cho chị Đặng Vĩ N2 số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng và bồi thường cho anh Đào Văn T5 số tiền 3.903.000 (ba triệu, chín trăm lẻ ba nghìn) đồng.

3.2. Các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh D số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Lê Vũ Yến N1 số tiền là số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

3.3. Các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B phải liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

5.1. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển số, không có bửng, số khung RLCS5C6K0EY175709, số máy 5C6K-175712; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO A54, màu xanh thu giữ của Ngô Văn K2.

5.2. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa màu đen.

5.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng K: 01 (một) Căn cước công dân tên Nguyễn Đăng K và 01 (một) ví màu đen (bên trong không có gì).

5.4. Trả cho anh Nguyễn Trọng Đ1 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen.

5.5. Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim L 01 (một) biển số 61K1-111.54.

5.6. Trả lại cho anh Đào Văn T5 số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do ông Lê Thế H3 giao nộp.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng-vàng và 3.604.000 (ba triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng đã thu giữ của Nguyễn Đăng K; số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng do ông Ngô Văn T2 là cha ruột của Ngô Văn K2 giao nộp; số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng do bà Lê Thị T3 là mẹ ruột của Nguyễn Hữu B giao nộp; số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng do bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột và anh Nguyễn Trọng Đ1 là anh ruột của Nguyễn Đăng K giao nộp; số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Nguyễn Thị T là mẹ

ruột và anh Nguyễn Nhật H5 là anh ruột của Nguyễn Tây H giao nộp để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 113.24 ngày 04 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một; Biên lai thu tiền số 0000514 ngày 12/4/2024 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 17/4/2024).

6. Về án phí:

6.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Tây H phải liên đới nộp số tiền 1.320.150 (một triệu, ba trăm hai mươi nghìn, một trăm năm mươi) đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H và Đặng Đăng K1 phải liên đới nộp số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Tây H, Đặng Đăng K1, Ngô Văn K2 và Nguyễn Hữu B phải liên đới nộp số tiền 1.300.000 (một triệu, ba trăm nghìn) đồng.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- CCTHADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng